

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2020/HSST
Ngày 05 tháng 5 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, THANH HOÁ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà : Ông **Lê Đăng Tuấn**

Các hội thẩm nhân dân :

1/ Ông: **Lưu Minh Sửu**

2/ Bà: **Đỗ Thị Phương**

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà **Cao Thị Bình** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên toà, Ông: **Đỗ Văn Huy** - Chức vụ: kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 14/2020/HSST ngày 18 tháng 3 năm 2020.

Đối với các bị cáo:

1- **Nguyễn Văn B** - Sinh năm 1987;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn P, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hoá;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: lớp 7/12;

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Tiền án, Tiền sự: Không;

Con ông: Nguyễn Văn T (đã chết) và bà: Nguyễn Thị L ; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; vợ: Phạm Thị L , có 02 con.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/02/2020 đến nay, có mặt tại phiên toà.

2- **Bùi Văn T** - Sinh năm 1989;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn T 2, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hoá;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: lớp 12/12;

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Tiền án, Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 05 tháng 8 năm 2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xử phạt 27 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong

phần án phí hình sự ngày 07/11/2014; Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/5/2016. Bị can bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17 tháng 02 năm 2020 cho đến nay.

Con ông: Bùi Văn L và bà: Lê Thị V ; Gia đình có 03 anh, chị em, bị cáo là con thứ 3; vợ: Lương Thị H , có 01 con.

- Bị hại: Ông Phùng Văn T - Sinh năm 1975.

Trú tại: Thôn H 1, xã T, huyện , tỉnh Thanh Hoá

Vắng mặt tại phiên toà.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B: Ông Trịnh Đình H - Trợ giúp viên pháp lý - Chi nhánh pháp lý số 6, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 16 tháng 02 năm 2020 Nguyễn Văn B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Elegenl biển kiểm soát 36D1 – 036.92 chở Bùi Văn T đi từ nhà B ở thôn P, xã L về nhà T ở thôn T, xã X. Khi đi đến bờ đê thuộc thôn H 1, xã T, B và T nhìn thấy một chiếc xe đạp điện màu trắng nhãn hiệu Ngọc Hà BIKE của ông Phùng Văn T đang dựng ở bên trái đường theo chiều xe B đang di chuyển, B và T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, B hỏi T “có lấy không” thì T nói “lấy thì lấy”. B dừng xe mô tô lại cho T xuống dắt chiếc xe đạp điện lại chỗ B , do không có chìa khóa nên B và T cùng nâng chiếc xe đạp điện lên xe máy rồi chở về thị trấn S tìm nơi tiêu thụ. Khi đi đến thôn P , xã L B và T dừng xe và đấu điện cho xe đạp điện, đấu xong thì B điều khiển xe đạp điện còn T điều khiển xe máy tiếp tục đi về hướng thị trấn S. Khi đi đến thị trấn S, B nhìn thấy biển hiệu đề “H T chuyên mua bán, sửa chữa xe đạp điện”, B đi vào cửa hàng gặp ông Trịnh Ngọc T là chủ cửa hàng nói đang cần tiền muốn bán chiếc xe đạp điện, ông T đã đồng ý mua chiếc xe đạp điện của B với giá 800.000 đồng, số tiền trên B và T đã tiêu sài hết 550.000 đồng, còn lại 250.000 đồng. Đến 17 giờ 00 phút cùng ngày, B đã đến cửa hàng HT mua lại chiếc xe đạp điện và tự nguyện đến cơ quan Công an xin đầu thú, giao nộp lại tài sản đã trộm cắp và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bùi Văn T cũng đã tự nguyện đến cơ quan Công an xin đầu thú vào 7 giờ sáng ngày 17 tháng 02 năm 2020.

Ngày 17/02/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Yêu cầu định giá tài sản số 10/CSĐT đối với chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Ngọc Hà BIKE N3, khung xe màu trắng, giỏ xe màu đen. Tại bản kết luận định giá tài sản số 06 ngày 18/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Tại thời điểm bị xâm hại chiếc xe đạp điện có giá trị là 5.841.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy nhãn hiệu Elegenl biển kiểm soát 36D1 – 036.92 là của anh Bùi Văn Đ, anh Đ cho Bùi Văn T mượn để chở mẹ đi khám bệnh không biết T dùng vào mục đích đi trộm cắp tài sản, nên không xem xét xử lý.

Đối với ông Trịnh Ngọc T là người đã mua lại chiếc xe đạp điện do B và T trộm cắp mà có, xe chưa có đăng ký chủ sở hữu, B và T nói là xe của mình cần tiền muốn bán, ông T không biết là tài sản trộm cắp nên không xem xét xử lý ông T là phù hợp.

Vật chứng của vụ án là chiếc xe đạp điện màu trắng nhãn hiệu Ngọc Hà BIKE đã được giao trả lại cho bị hại là ông Phùng Văn T, nên không có yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 13/CT-VKS-TX ngày 16/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Nguyễn Văn B và Bùi Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn B và Bùi Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS để xử phạt: Nguyễn Văn B từ 06 tháng đến 09 tháng tù và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS để xử phạt: Bùi Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Tại phiên tòa trợ giúp viên pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo Nguyễn Văn B lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện trả lại tài sản cho người bị hại, sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Khoản 1, 2 Điều 65 BLHS cho Nguyễn Văn B hưởng án treo. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và không buộc bị cáo chịu án phí vì thuộc đối tượng "Cận nghèo".

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Văn Bằng và Bùi Văn Thanh thành khẩn nhận tội. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, lời khai của người bị hại và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét

xử kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn B và Bùi Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội.

[3] Xét về tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo: Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo Nguyễn Văn B và Bùi Văn T đã cố ý thực hiện phạm tội. Lợi dụng sơ hở của anh T, các bị cáo đã lén lút lấy chiếc xe đạp điện màu trắng nhãn hiệu Ngọc Hà BIKE có giá trị là 5.841.000 đồng. Sau khi trộm cắp được đã mang đi bán lấy tiền tiêu sài. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy phải xử phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người tốt và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Xét vai trò của các bị cáo: Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này có 02 bị cáo phạm tội nhưng không thuộc trường hợp có tổ chức vì các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, không bàn bạc từ trước; vai trò, tính chất cũng khác nhau;

Bị cáo Nguyễn Văn B phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất vì bị cáo là người khởi xướng và cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên mức độ nguy hiểm cho xã hội cao hơn bị cáo Thanh.

Đối với bị cáo Bùi Văn T được xếp vị trí thứ 2 sau bị cáo B. Bị cáo T là người tiếp nhận ý chí của bị cáo B cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cùng đưa đi tiêu thụ và được hưởng lợi số tiền 275.000đ.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hướng xử lý: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều khai báo thành khẩn, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, các bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo B được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ là "phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" và "người phạm tội khắc phục hậu quả" theo điểm b, i khoản 1 Điều 51 BLHS

Xét thấy trong thời gian gần đây, tình hình tội phạm trộm cắp tài sản xảy ra nhiều trên địa bàn huyện T, gây tâm lý bất an trong xã hội. Bị cáo T có nhân thân xấu; ngày 05 tháng 8 năm 2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xử phạt 27 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong Bản án hình sự ngày 07/11/2014; Bị cáo B là đối tượng nghiện ma túy, tại phiên tòa bị cáo khai nhận, mục đích trộm cắp xe máy để bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy để sử dụng. Vì vậy phải xử phạt thật nghiêm đối với các bị cáo, bắt cả hai bị cáo cách ly xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Tuy nhiên, do bị cáo B có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên chỉ áp dụng hình

phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Ngọc Hà BIKE N3, khung xe màu trắng, giỏ xe màu đen, đã trả lại cho chủ sở hữu, nay người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chiếc xe đạp điện các bị cáo bán cho ông Trịnh Ngọc T ông T không biết là tài sản trộm cắp nên không xem xét xử lý ông T là đúng quy định của pháp luật.

Chiếc xe máy nhãn hiệu Elegenl biển kiểm soát 36D1 – 036.92 của anh Bùi Văn Đ, cho Bùi Văn T mượn để chở mẹ đi khám bệnh không biết T dùng vào mục đích đi trộm cắp tài sản, nên cơ quan điều tra trả lại cho anh Đ là đúng quy định của pháp luật.

B và T đã tiêu xài số tiền bán xe đạp điện là 550.000đ. Sau khi phạm tội bị cáo B đã dùng số tiền còn lại và phụ thêm tiền để chuộc xe, trả cho người bị hại. Do đó chỉ có mình bị cáo T được hưởng lợi 275.000đ, tại phiên tòa bị cáo B không yêu cầu bị cáo T phải trả số tiền trên, mặc dù Hội đồng xét xử đã giải thích về nghĩa vụ bồi hoàn theo quy định tại Điều 288 BLDS nhưng bị cáo B vẫn không yêu cầu bị cáo T phải trả số tiền trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Các bị cáo đều là lao động tự do và là đối tượng nghiện ma túy, không có khả năng tài chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn B và Bùi Văn T án phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Văn B và Bùi Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn B và Bùi Văn T ; áp dụng thêm các điểm b, i khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn B;

- **Xử phạt:**

1. Nguyễn Văn B 07 (bảy) tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (từ ngày 16/02/2020).

2. Bùi Văn T 12 (mười hai) tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (từ ngày 17/02/2020).

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bị cáo Nguyễn Văn Bằng và Bùi Văn Thanh mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- VKSND;
- THA dân sự;
- Phòng giám đốc án;
- Công an;
- Các bị cáo;
- Lu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Đăng Tuấn